

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 124/2023/DS -ST
Ngày: 22-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hoàng An.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thắm.
- Bà Nguyễn Kim Lý.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2023 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2023/QĐST – DS ngày 29 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T.

Địa chỉ: Tháp B, số 194 T, phường L, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số 85/2/15 đường P, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (theo Văn bản ủy quyền ngày 15/3/2023) – có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Lê Thành H, sinh năm 1976.

Hộ khẩu thường trú: Số 156/8 N, phường 3, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 06/4/2023, lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng L trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Ông H là nhân viên, công tác tại Trung tâm bảo trợ xã hội Chánh Phú Hòa (gọi tắt là Trung tâm). Ngày 09/10/2013, ông H có Giấy đề nghị vay vốn đến Ngân hàng T (gọi tắt là Ngân hàng) để vay số tiền là 50.000.000 đồng. Ngày 11/10/2013, người đại diện hợp pháp của Trung tâm và Ngân hàng ký Hợp đồng tín dụng số 838/2013/CN/HĐ để cho toàn thể cán bộ công nhân viên của Trung tâm vay số tiền là 1.855.000.000 đồng. Kèm theo hợp đồng là danh sách từng khoản vay và tên của cán bộ công nhân viên vay tiền, trong đó ông Lê Thành H có ký vay số tiền là 50.000.000 đồng. Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu tiêu dùng của bên vay và gia đình. Thời hạn vay: Được xác định cụ thể tại Bảng kê rút vốn và danh sách cán bộ công chức vay, theo đó, thời hạn vay của ông H là 36 tháng.

Lãi suất vay: 13%/năm. Lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay và được điều chỉnh 03 tháng/lần. Cụ thể lãi được quy định tại khoản 2 Điều 2 của hợp đồng tín dụng.

Phương thức: Trả vào ngày 15 hàng tháng.

Ông H vay không có thế chấp tài sản.

Ngày 11/10/2013, người đại diện hợp pháp của Trung tâm ký nhận số tiền vay thực tế là 1.775.000.000 đồng. Số tiền vay thực tế ít hơn là do một số cán bộ nhân viên không vay hoặc vay ít hơn so với danh sách đính kèm hợp đồng tín dụng.

Quá trình vay, ông H đã thanh toán số tiền gốc là 41.700.000 đồng, tiền lãi trong hạn 9.751.129 đồng, lãi quá hạn là 11.893 đồng. Đến ngày 28/4/2016, ông H không thanh toán bất kỳ khoản tiền gốc và lãi cho Ngân hàng nữa. Ngân hàng nhiều lần điện thoại và gửi thông báo bằng văn bản để yêu cầu ông H thanh toán số tiền nợ còn lại nhưng ông H không thực hiện.

Nay, Ngân hàng yêu cầu ông H thanh toán số tiền gốc là 8.300.000 đồng, số tiền lãi trong hạn tính đến ngày 22/9/2023 là 7.478.300 đồng, lãi quá hạn là 3.595.233 đồng.

Bị đơn ông Lê Thành H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập họp lệ nhiều lần. Đồng thời, Tòa án đã đăng báo thông báo trên Báo Thanh niên ba số liên tiếp và phát sóng trên đài phát thanh VOV ba lần nhưng ông H không có mặt để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát có ý kiến:

Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn Ngân hàng T (gọi tắt là Ngân hàng) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Lê Thành H trả số tiền nợ gốc và lãi nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo Điều 11 Hợp đồng tín dụng số 838/2013/CN/HĐ ngày 11/10/2013 của Ngân hàng T thể hiện nội dung tranh chấp liên quan đến hợp đồng sẽ được giải quyết tại Tòa án nhân dân huyện Bến Cát (nay là thị xã Bến Cát). Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về việc xét xử vắng mặt: Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt. Việc vắng mặt của bị đơn không vì lý do bất khả kháng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa và có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt.

[4] Về nội dung:

Ngày 09/10/2013, ông H có Giấy đề nghị vay vốn với số tiền là 50.000.000 đồng đến Ngân hàng theo quy định. Đồng thời, theo nội dung giấy vay vốn, ông H ủy quyền cho ông Đỗ Hùng T – Quyền trưởng khu người khuyết tật của Trung tâm bảo trợ xã hội Chánh Phú Hòa ký hợp đồng tín dụng.

Ngày 11/10/2013, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng và Trung tâm bảo trợ xã hội Chánh Phú Hòa ký tên vào Hợp đồng tín dụng số 838/2013/CN/HĐ. Nội dung hợp đồng thể hiện bên vay là cán bộ công nhân viên Trung tâm bảo trợ xã hội Chánh Phú Hòa. Kèm theo hợp đồng là danh sách cán bộ công nhân viên của Trung tâm bảo trợ xã hội, trong đó, ông H ký vay và nhận số tiền là 50.000.000 đồng. Nguyên đơn và bị đơn không cung cấp chứng

cứ chứng minh tại thời điểm giao kết hợp đồng tín dụng bị lừa dối, ép buộc. Do đó, việc giao kết hợp đồng giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện. Mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hợp đồng tín dụng số 838/2013/CN/HĐ ngày 11/10/2013 có hiệu lực pháp luật và là cơ sở phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa hai bên theo quy định tại Điều 117 và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngân hàng đã giải ngân cho Trung tâm bảo trợ xã hội Chánh Phú Hòa số tiền là 1.775.000.000 đồng theo Bảng kê rút vốn ngày 11/10/2013, được Ngân hàng xét duyệt ngày 11/10/2013.

Theo Bảng sao kê tài khoản vay ngày 13/9/2023 thể hiện từ ngày 11/10/2013 đến ngày 28/4/2016, ông H đã thanh toán số tiền gốc là 41.700.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 9.751.129 đồng, số tiền lãi quá hạn là 11.893 đồng. Từ ngày 28/4/2016 cho đến nay, ông H không thanh toán bất kỳ số tiền lãi và gốc nào cho Ngân hàng nữa. Như vậy, ông H đã vi phạm thỏa thuận tại khoản 3 Điều 3 của Hợp đồng tín dụng. Ông H không được Ngân hàng cơ cấu lại thời hạn trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét từng yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

* Về khoản nợ gốc: Theo Bảng sao kê dư nợ vay còn lại ngày 09/8/2023, Sao kê chi tiết giao dịch tài khoản tiền vay ngày 09/8/2023 và Sao kê tài khoản tiền vay ngày 13/9/2023 thể hiện: Tổng số tiền gốc mà ông H phải thanh toán cho Ngân hàng là 50.000.000 đồng. Từ ngày 10/11/2013 đến ngày 28/4/2016, ông H đã thanh toán số tiền gốc là 41.700.000 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông H phải trả số tiền nợ gốc còn lại là 8.300.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

* Về khoản nợ lãi: Theo Bảng sao kê dư nợ vay còn lại ngày 20/9/2023 và Sao kê tài khoản tiền vay ngày 13/9/2023 thể hiện: Từ ngày 10/11/2013 đến ngày 28/4/2016, ông H đã thanh toán số tiền lãi trong hạn 9.751.129 đồng, số tiền lãi quá hạn là 11.893 đồng. Đến ngày 28/4/2016, ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên phải có nghĩa vụ trả tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ với Ngân hàng là phù hợp quy định pháp luật và có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

[6] Về chi phí đăng báo, đăng đài phát thanh trung ương: Nguyên đơn tự nguyện chịu theo quy định pháp luật.

[7] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 117, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T đối với bị đơn ông Lê Thành H về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc bị đơn ông Lê Thành H phải thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng T tổng tiền nợ gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 22/9/2023 là 19.373.533 đồng (mười chín triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm ba mươi ba đồng). Trong đó: Tiền nợ gốc là 8.300.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 7.478.300 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 3.595.233 đồng.

Từ ngày 23/9/2023 tiền lãi tiếp tục được tính trên số dư nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số 838/2013/CN/HĐ ngày 11/10/2013 cho đến khi ông Lê Thành H thanh toán hết nợ cho Ngân hàng T. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì số tiền lãi suất mà ông Lê Thanh H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn Ngân hàng T không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 464.522 đồng (bốn trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm hai mươi hai đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0011233 ngày 18/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn ông Lê Thành H phải chịu 968.677 đồng (chín trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm bảy mươi bảy đồng).

4. Về chi phí đăng báo, đăng đài phát thanh trung ương: Nguyên đơn tự nguyện chịu 2.796.000 đồng (hai triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn đồng). Nguyên đơn đã thực hiện xong.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,

7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, TA (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Hoàng An